

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 05 - 01 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử
lý tài sản bảo đảm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Tiệp.
2. Ông Hà Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 11/2023/TLST- DS ngày 13/10/2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản đảm bảo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST- DS ngày 21/12/2023 giữa các đương sự:

- **nguyên đơn:** Ngân hàng A. Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng A- Chi nhánh M, Sơn La. Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Tổ dân phố 2, thị trấn S, huyện M, tỉnh Sơn La có người đại diện theo pháp luật: Ông Lường Đình L – Phó Giám đốc phụ trách điều hành. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Vũ Thị B, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Ngọc Y - sinh năm 1966 (Vắng mặt). Nơi cư trú: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La ủy quyền cho vợ là bà Nguyễn Thị P theo văn bản ủy quyền ngày 05/12/2023, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1970. Nơi cư trú: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Phần các đương sự trình bày:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2023 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 02/10/2023 cùng ý kiến tại quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/03/2022 bà Vũ Thị B và Ngân hàng A - chi nhánh M, Sơn La (sau đây gọi tắt là Chi nhánh M) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 7907-LAV-202200331 và Chi nhánh M đã giải ngân cho bà B vay số tiền là 1.200.000.000 đồng theo hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 25/03/2022 để bà B kinh doanh hàng nông sản (Ngô hạt, sắn khô), bà B đã ký giấy nhận nợ với kỳ hạn trả nợ lãi là ngày 19/08/2022 và kỳ hạn trả nợ gốc là ngày 25/11/2022.

Bà Vũ Thị B đã sử dụng các tài sản sau là tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 279049. Sổ vào sổ cấp GCN: CH 00048 do UBND huyện Sông Mã, cấp ngày 15/06/2011 mang tên bà: Vũ Thị B (Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La).

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 279170. Sổ vào sổ cấp GCN: CH 00091 do UBND huyện Sông Mã, cấp ngày 22/11/2011 mang tên ông Vũ Ngọc Y và bà Nguyễn Thị P (Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La) chuyển nhượng lại cho bà Vũ Thị B ngày 19/5/2020.

Đối với hai tài sản này đã thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Sông Mã xác nhận ngày 24/07/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do UBND xã N xác nhận.

Tuy nhiên, sau khi vay thì bà Vũ Thị B đã không thực hiện việc trả gốc và lãi theo thời hạn như đã cam kết. Khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/08/2022. Tính đến ngày 30/09/2023 bà Vũ Thị B còn nợ tại Chi nhánh M số tiền tổng cộng là 1.316.712.329đ (*Một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*), bao gồm nợ gốc là 1.200.000.000đ và 91.232.877đ tiền lãi trong hạn, 25.479.452đ tiền lãi quá hạn.

Chi nhánh M đã nhiều lần làm việc, giải thích, tuý truyền, thuyết phục nhưng bà Vũ Thị B không thực hiện trả nợ và cố tình không hợp tác, không đồng ý giao tài sản cho Ngân hàng phát mại để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm, không bàn giao tài sản làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng

A. Nay Ngân hàng A thông qua Chi nhánh M thực hiện khởi kiện bà Vũ Thị B tại Tòa án nhân dân huyện sông Mã yêu cầu:

- Buộc bà Vũ Thị B phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A - chi nhánh M Sơn La toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến ngày 30/9/2023 là 1.316.712.329đ (*Một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*), bao gồm nợ gốc là 1.200.000.000đ và 91.232.877đ tiền lãi trong hạn, 25.479.452đ tiền lãi quá hạn và phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7907-LAV-202200331 ký ngày 25/03/2022 và các giấy nhận nợ kèm theo cho đến khi bà Vũ Thị B thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng A tại thời điểm thanh toán.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà Vũ Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh tương ứng thì Ngân hàng A - chi nhánh M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê B, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Vũ Thị B đối với Ngân hàng A. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Vũ Thị B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng A và Chi nhánh M, Sơn La có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng và các nguồn thu hợp pháp khác của bà Vũ Thị B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu bà Vũ Thị B phải chịu tiền án phí, tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và các chi phí khác phát sinh khác theo luật định (nếu có).

* Bị đơn bà Vũ Thị B trình bày: Bà nhất trí với nội dung khởi kiện của nguyên đơn về quá trình vay nợ, việc thế chấp vay nợ và số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 30/9/2023 là 1.316.712.329đ (*Một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*), bao gồm nợ gốc là 1.200.000.000đ và 91.232.877đ tiền lãi trong hạn, 25.479.452đ tiền lãi quá hạn. Tuy nhiên, hiện nay do tuổi của bà đã cao khả năng trả nợ là không có, vì vậy đề nghị phía Ngân hàng tạo điều kiện cho bà trả nợ theo P thức trả dần, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Bà Vũ Thị B có đơn xin được miễn án phí nộp tại phiên tòa và đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận đơn xin miễn án phí của bà.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Ngọc Y trình bày: Tài sản trên đất và diện tích đất tại Thửa đất số 95b, 99b tờ bản đồ số 87 tại bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00091 cấp ngày 22/11/2011, do UBND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp cho người sử dụng đất là

ông Vũ Ngọc Y và bà là Nguyễn Thị P, đã đăng ký biến động cho bà Vũ Thị B ngày 19/5/2020, tài sản này đã được vợ chồng bà sang tên cho bà Vũ Thị B (bà B là chị gái ruột của ông Vũ Ngọc Y) để bà B làm thủ tục vay Ngân hàng, việc bà B vay nợ và thế chấp tài sản này bà và ông Y không có ý kiến gì. Hiện nay thì hai vợ chồng bà vẫn đang sống ở đây nhưng ông bà cũng không có tiền trả cho Ngân hàng để lấy lại tài sản nên ông bà cũng đề nghị phía nguyên đơn cho ông bà khất nợ và trả dần, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

II. Ngày 22 tháng 11 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đã tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ diện tích đất là tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất cùng các tài sản gắn liền với đất tại 02 diện tích đất tại bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La.

1. Thửa đất số 87c, 88c tờ bản đồ số 88 tại bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00048 cấp ngày 15/6/2011 do UBND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp cho người sử dụng đất là bà Vũ Thị B.

Qua thẩm định tại chỗ thực tế kết quả như sau:

1.1 Tổng diện tích đất là 150,5 m². Trong đó: Đất ở nông thôn là 64,0 m²; đất trồng cây lâu năm là 86,5 m² (diện tích đất trồng cây lâu năm giảm so với diện tích đã được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2,5m²). Được xác định từ điểm A1 đến các điểm A3, A5, A6 trong sơ đồ; có các tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp đường 08/3: được xác định từ điểm A1 đến A3; chiều dài cạnh lần lượt là 1,03m; 4,00m.

Phía Đông giáp đất ông Quyết: được xác định từ điểm A3 đến A5; chiều dài cạnh lần lượt là 1,26m; 0,93m; 13,92m; 0,46m; 4,58m; 4,29m; 2,47m; 2,79m.

Phía Nam giáp đất bà Chung: được xác định từ điểm A5 đến điểm A6; có cạnh là 5,04m.

Phía Tây giáp đất bà Chiên từ điểm A6 điểm A1 có các cạnh lần lượt là 1,81m; 2,33m; 4,23m; 19,88m; 1,26m.

Khuân viên đất đã xây tường bao kín.

Tại thửa đất số 87c có 5,0 m² đất ở nông thôn nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường 08/3; Thửa 88c có 1,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường 08/3. nguyên nhân do sự điều chỉnh quy hoạch của theo Quyết định số 179/QDD-UBND ngày 06/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đến năm 2035.

1. 2 Đối với tài sản trên đất

- 01 Phần bắn mái phía trước, được ký hiệu là N1 trong sơ đồ. Có tổng diện tích là 13,6m².

Được xác định từ điểm B1 đến các điểm B2, B3, B12; chiều dài các cạnh lần lượt là 4,52m; 0,83m; 1,26m; 0,93m; 4,52m; 0,86m; 1,26m; 0,89m.

- 01 nhà xây cấp bốn mái lợp tôn, được ký hiệu N2 trong sơ đồ. Có tổng diện tích là 64,7m².

Được xác định từ điểm B3 đến các điểm B4, B11, B12; có các cạnh lần lượt là 13,92m; 0,46m; 4,52m; 14,37m; 4,52m.

- 01 Nhà bếp được ký hiệu N3 trong sơ đồ. Có tổng diện tích là 20,8m².

Được xác định từ điểm B4 đến các điểm B5, B10, B13; có các cạnh lần lượt là 4,58m; 4,53m; 4,65m; 4,52m.

- 01 Phần bắn mái phía sau, được ký hiệu là N4 trong sơ đồ. Có diện tích là 21,3m².

Được xác định từ điểm B5 đến các điểm B6, B9, B10; có các cạnh lần lượt là 4,29m; 5,03m; 4,23m; 0,50m; 4,53m.

- 01 chuồng lợn ký hiệu là N5 trong sơ đồ. Có diện tích là 12,0m²

Được xác định từ điểm B6 đến các điểm B7, B8, B9; có các cạnh lần lượt là 2,47m; 5,02m; 2,33m; 5,03m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

2. Thửa đất số 95b, 99b tờ bản đồ số 87 tại bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00091 cấp ngày 22/11/2011, do UBND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp cho người sử dụng đất là ông Vũ Ngọc Y và bà Nguyễn Thị P, đã đăng ký biến động cho bà Vũ Thị B ngày 19/5/2020.

Qua thẩm định tại chỗ thực tế kết quả như sau:

2.1 Tổng diện tích đất: 173,3m². Trong đó: Đất ở nông thôn là 154,0 m²; Đất trồng cây lâu năm 19,3 m² (Diện tích đất sử dụng thực tế không thay đổi so với diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Toàn bộ thửa đất đang sử dụng được xác định từ điểm A1 đến các điểm A2, A4, A5 trong sơ đồ; có các tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp đường lô: được xác định từ điểm A1 đến A2; Chiều dài cạnh là 5,57m.

Phía Đông giáp đất ông Thảo: được xác định từ điểm A2 đến A4; Chiều dài cạnh là 3,51m và 28,00m.

Phía Nam giáp đất ông Thảo: được xác định từ điểm A4 đến A5; Chiều dài cạnh là 5,57m.

Phía Tây giáp đất ông Thảo và ông Cương: được xác định từ điểm A5 đến Ngân hàng A; Chiều dài cạnh lần lượt là 5,68m; 2,70m; 2,63m; 15,0m; 1,99m; 3,51m.

Các cạnh thửa đất 95b theo mô tả của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thay đổi cụ thể:

Phía Đông tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi các cạnh lần lượt là 3,50m và 32,50m; Kết quả thẩm định ngày 22/11/2023 cho thấy Phía Đông các cạnh lần lượt là 3,51m và 28,0m;

Phía Nam giáp đất ông Thảo tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi cạnh là 5,50m, nhưng kết quả thẩm định ngày 22/11/2023 cho thấy Phía Nam giáp đất ông Thảo có cạnh là 5,57m.

2.2 Đối với tài sản trên đất

- 01 phần bán mái phía trước, được ký hiệu là N1 trong sơ đồ. Có diện tích là 27,5m²

Được xác định từ điểm A1 đến các điểm B1, B2, B7; Chiều dài cạnh lần lượt là 5,01m; 5,50m; 5,01m; 1,99m; 3,51m.

- 01 Nhà xây cấp bốn mái lợp tôn, được ký hiệu là N2 trong sơ đồ. Có diện tích là 75,0 m².

Được xác định từ điểm B7 đến các điểm B2, B3, B6; Chiều dài cạnh lần lượt là 5,01m; 15,02m; 5,01m; 15,00m.

- Phần bán mái phía sau, được ký hiệu là N3 trong sơ đồ. Có diện tích là 13,2m²

Được xác định từ điểm B6 đến các điểm B3, B4, B5; Chiều dài cạnh lần lượt là 5,01m; 2,63m; 5,01m; 2,63m.

- Cây ăn quả trên đất có 01 cây nhãn và 01 cây mít đều đã cho quả từ 05 năm - 10 năm.

(Có sơ đồ kèm theo)

III. Quan điểm của viện kiểm sát:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người

tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đối với bà Vũ Thị B.

Buộc bà Vũ Thị B phải trả cho Ngân hàng A- Chi nhánh M, Sơn La tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 30/9/2023 là 1.316.712.329đ (*Một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*), bao gồm nợ gốc là 1.200.000.000đ và 91.232.877đ tiền lãi trong hạn, 25.479.452đ tiền lãi quá hạn.

Kể từ ngày 01/10/2023 bà Vũ Thị B còn phải chịu các khoản lãi suất và các khoản phí phát sinh theo các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

Trong trường hợp bà Vũ Thị B không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng Acó quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê B, phát mại bán đấu giá tài sản là (1) Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 279049. Số vào sổ cấp GCN: CH 00048 do UBND huyện Sông Mã, cấp ngày 15/06/2011 mang tên bà: Vũ Thị B (Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La); (2) Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 279170. Số vào sổ cấp GCN: CH 00091 do UBND huyện Sông Mã, cấp ngày 22/11/2011 mang tên ông Vũ Ngọc Y và bà Nguyễn Thị P (Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La) chuyển nhượng lại cho bà Vũ Thị B ngày 19/5/2020.

Các tài sản đảm bảo có đặc điểm cụ thể đã được mô tả chi tiết tại B bản xem xét thẩm định ngày 22/11/2023 và sơ đồ kèm theo do Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thực hiện.

Buộc ông Vũ Ngọc Y và bà Nguyễn Thị P phải trao trả tài sản do ông bà đang quản lý sử dụng cho chủ sở hữu hợp pháp, và phải bàn giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp phải bán phát mại để thu hồi nợ cho ngân hàng.

3. Bà Vũ Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Bà B phải chịu chi phí tố tụng theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã và đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Đối với bà Vũ Thị B cư trú tại huyện Sông Mã yêu cầu phải thanh toán số tiền

vay nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7907-LAV-202200331 ngày 25/3/2022 với Ngân hàng A tại Chi nhánh M; Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng và thu hồi tài sản đảm bảo được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc Y đã có ý kiến về việc khởi kiện của Ngân hàng A và đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị P (là vợ ông Y) thay mặt ông tham gia quá trình tố tụng tại Tòa án. Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt đối với ông Vũ Ngọc Y là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét nội dung của hợp đồng tín dụng:

NguY đơn và bà Vũ Thị B đã ký Hợp đồng tín dụng số 7907-LAV-202200331 ngày 25/3/2022; Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền 1.200.000.000đ vào ngày 25/03/2022 cho bà B số tiền này, bà B đã ký giấy nhận nợ với kỳ hạn trả nợ lãi là ngày 19/08/2022 và kỳ hạn trả nợ gốc là ngày 25/11/2022; để đảm bảo cho khoản vay bà B đã sử dụng hai tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo các hợp đồng thế chấp số 01/2022/HĐTC và số 02/2022/HĐTC cùng các hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2022/HĐTC và số 02/2022/HĐTC được ký ngày 25/3/2022 giữa các bên tham gia thực hiện hợp đồng, các hợp đồng này đều đã được UBND xã N, huyện M, tỉnh Sơn La chứng thực, được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Mã theo luật định.

Theo các tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho thấy việc vay nợ và thế chấp đã được lập thành văn bản và có đầy đủ chữ ký của các bên tham gia. Như vậy, có đủ căn cứ xác định khi ký kết các Hợp đồng tín dụng này các bên đều tự nguyện và có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự, nội dung của hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của Luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên đã tham gia ký kết, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngay khi giao kết hợp đồng xong phía nguyên đơn là bên cho vay đã thực hiện việc giải ngân cho bên vay số tiền là 1.200.000.000đ như đã thỏa thuận trong hợp đồng, tuy nhiên sau khi nhận tiền thì bà B đã không thực hiện các nghĩa vụ về trả lãi và gốc theo thời hạn đã cam kết, mặc dù đã được Ngân hàng và chính quyền địa phương phối hợp làm việc nhiều lần dẫn đến khoản nợ bị quá hạn từ ngày 20/08/2022. Tính đến hết ngày 30/9/2023 bà Vũ Thị B còn nợ tại Chi nhánh M số tiền tổng cộng là 1.316.712.329đ (*Một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*), bao gồm nợ gốc là 1.200.000.000đ và 91.232.877đ tiền lãi trong hạn, 25.479.452đ tiền lãi quá hạn.

Số tiền nợ còn lại do nguyên đơn đề nghị là phù hợp với số dư nợ thực tế, số tiền lãi do nguyên đơn đề nghị là phù hợp với cách tính lãi được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 10/11/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Xét, việc tính lãi quá hạn và trong hạn của nguyên đơn không vi phạm quy định của pháp luật về tính lãi nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để tính lại lãi mà chấp nhận số nợ gốc và tiền nợ lãi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2] Xét hiệu lực của hợp đồng thế chấp

a) Hợp đồng thế chấp cho khoản vay gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 01/2020/HĐTC ký ngày 23/7/2020 kèm Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2022/HĐSĐBS ngày 25/3/2022. Đã thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Mã ngày 24/7/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do UBND xã N, huyện M chứng thực đối với tài sản là quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất mang tên bà Vũ Thị B.

- Hợp đồng thế chấp số 02/2020/HĐTC ký ngày 23/7/2020 kèm Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2022/HĐSĐBS ngày 25/3/2022. Đã thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Mã ngày 24/7/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do UBND xã N, huyện M chứng thực đối với tài sản là quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất mang tên ông Vũ Ngọc Y và bà Nguyễn Thị P được chuyển nhượng lại cho bà Vũ Thị B ngày 19/5/2020.

HĐXX xét thấy các chủ thể ký kết hợp đồng thế chấp có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tư cách pháp nhân, trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, hợp đồng các hợp đồng thế chấp được nêu cụ thể ở trên cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 7907-LAV-202200331 ngày 25/3/2022 đảm bảo về hình thức và điều kiện của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định theo khoản 12 Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;

b) Phần diện tích đất và tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng đất đã được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay đang được bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng qua việc xem xét thẩm định tại chỗ xác định được là:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 279049. Số vào sổ cấp GCN: CH 00048 do UBND huyện Sông

Mã, cấp ngày 15/06/2011 mang tên bà: Vũ Thị B (Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La).

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 279170. Sổ vào sổ cấp GCN: CH 00091 do UBND huyện Sông Mã, cấp ngày 22/11/2011 mang tên ông Vũ Ngọc Y và bà Nguyễn Thị P (Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La) chuyển nhượng lại cho bà Vũ Thị B ngày 19/5/2020.

Các tài sản này đã được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22 tháng 11 năm 2023, có đặc điểm cụ thể như đã mô tả tại các tiêu mục 1, 2 mục II trong phần Nội dung vụ án của Bản án này.

Các tài sản này được xác định là tài sản thế chấp có hiệu lực trong hợp đồng thế chấp cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 7907-LAV-202200331 ngày 25/3/2022 nên các bên tham gia trong hợp đồng thế chấp phải có nghĩa vụ thực hiện các cam kết được thỏa thuận trong hợp đồng.

[3.3] Xét yêu cầu xử lý tài sản để thu hồi nợ của nguyên đơn:

Như đã đề cập và phân tích tại mục [3.1] và mục [3.2] phần Nhận định của bản án này cho thấy các hợp đồng thế chấp đều có hiệu lực thi hành đối với các quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được nêu tại các tiêu mục 1, 2 mục II trong phần Nội dung vụ án của Bản án; Xét thấy: Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng Alà có cơ sở và đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 63/2006/NĐ – CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 về Giao dịch đảm bảo và Nghị định số 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 63/2006/NĐ – CP ngày 29 tháng 12 năm 2006. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Abuộc Vũ Thị B phải thanh toán khoản nợ tạm tính đến hết ngày 30/9/2023 là 1.316.712.329đ (*Một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*), bao gồm nợ gốc là 1.200.000.000đ và 91.232.877đ tiền lãi trong hạn, 25.479.452đ tiền lãi quá hạn và lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế từ ngày 01/10/2023 cho đến khi thanh toán xong hết tiền nợ là có căn cứ luật định nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì vậy, nếu bà Vũ Thị B không thanh toán được số tiền nợ cho nguyên đơn thì ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành thì phía nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đảm bảo được nêu cụ thể tại các tiêu mục 1, 2 mục II trong phần Nội dung vụ án của Bản án này để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[4] Về trách nhiệm bàn giao lại tài sản do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sử dụng:

Quá trình giải quyết vụ án cho thấy đối với diện tích đất và tài sản trên đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 279170. Số vào sổ cấp GCN: CH 00091 do UBND huyện Sông Mã, cấp ngày 22/11/2011 mang tên ông Vũ Ngọc Y và bà Nguyễn Thị P (Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La) chuyển nhượng lại cho bà Vũ Thị B ngày 19/5/2020 hiện giờ vẫn đang do ông Vũ Ngọc Y và bà Nguyễn Thị P trực tiếp quản lý, sử dụng, quá trình giải quyết vụ án ông Y - bà P đều nhất trí với việc đã thực hiện chuyển nhượng phần tài sản này cho và Vũ Thị B và việc bà B sử dụng tài sản này để thế chấp cho khoản vay của bà B ông Y - bà P đều biết và nhất trí. Hiện nay, bà B không trả được khoản tiền đã vay nợ tại Ngân hàng nên Ngân hàng có yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà B phải thanh toán toàn bộ số tiền vay nợ, trong trường hợp không thanh toán được khoản tiền vay nợ thì yêu cầu được kê B, bán phát mại hai tài sản đảm bảo đã nêu để thu hồi nợ trong đó có cả tài sản đang do ông bà quản lý sử dụng, ông Y - bà P có nguyện vọng được nhận lại tài sản này và đề nghị Ngân hàng cho trả dần số tiền nợ với nghĩa vụ bảo lãnh tương ứng của tài sản, nhưng phía Ngân hàng không nhất trí với đề nghị này. Do vậy, buộc ông Y - bà P phải bàn giao lại tài sản này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp phải kê B, bán phát mại tài sản này để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng và các chi phí khác:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Vũ Thị B là người trên 60 tuổi và có đơn xin được miễn án phí, HĐXX xét thấy bà B thuộc trường hợp được miễn án phí nên chấp nhận đơn đề nghị được miễn án phí của bà B.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng A- Chi nhánh M nộp tạm ứng theo phiếu thu số TM04 ngày 07/11/2023, phiếu chi số C0004 ngày 22/11/2023, B bản hoàn trả tiền ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, đại diện nguyên đơn đã thanh toán xong số tiền là 6.970.000đ và có yêu cầu bà Vũ Thị B phải hoàn trả chi phí này, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà B phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.970.000đ.

Trong trường hợp nguyên đơn phải yêu cầu thi hành án để thu hồi nợ thì bị đơn phải chịu các chi phí phát sinh cho việc thi hành án (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 228; Các Điều 147, 155, 156, 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 292, 293, 295, 297, 298, 299, 301, 302, 303, 304, 305, 317, 318, khoản 7 Điều 323, Điều 351, Điều 500; các Điều 357, 463, 466, 468; 117 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 2 Luật người Cao tuổi;

Căn cứ vào đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng Đối với bà Vũ Thị B.

1.1 Buộc bà Vũ Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng A- Chi nhánh M, Sơn La tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 30/9/2023 là 1.316.712.329đ (*Một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*), bao gồm nợ gốc là 1.200.000.000đ và 91.232.877đ tiền lãi trong hạn, 25.479.452đ tiền lãi quá hạn.

Kể từ ngày 01/10/2023 bà Vũ Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc. Mức lãi suất áp dụng được căn cứ vào thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Vũ Thị B không thanh toán được khoản nợ nêu trên và số tiền nợ phát sinh đến thời điểm thanh toán thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê B phát mại, bán đấu giá tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

(1) Thửa đất số 87c, 88c tờ bản đồ số 88 tại bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00048 cấp ngày 15/6/2011 do UBND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp cho người sử dụng đất là bà Vũ Thị B. Có tổng diện tích đất sử dụng thực tế là 150,5 m². Trong đó: Đất ở nông thôn là 64,0 m²; đất trồng cây lâu năm là 86,5 m² (diện tích đất trồng cây lâu năm giảm so với diện tích đã được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2,5m²). Được xác định từ điểm A1 đến các điểm A3, A5, A6 trong sơ đồ; có các tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp đường 08/3: được xác định từ điểm A1 đến A3; chiều dài cạnh lần lượt là 1,03m; 4,00m.

Phía Đông giáp đất ông Quyết: được xác định từ điểm A3 đến A5; chiều dài cạnh lần lượt là 1,26m; 0,93m; 13,92m; 0,46m; 4,58m; 4,29m; 2,47m; 2,79m.

Phía Nam giáp đất bà Chung: được xác định từ điểm A5 đến điểm A6; có cạnh là 5,04m.

Phía Tây giáp đất bà Chiên từ điểm A6 điểm A1 có các cạnh lần lượt là 1,81m; 2,33m; 4,23m; 19,88m; 1,26m.

Khuân viên đất đã xây tường bao kín.

Tại thửa đất số 87c có 5,0 m² đất ở nông thôn nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường 08/3; Thửa 88c có 1,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường 08/3. nguyên nhân do sự điều chỉnh quy hoạch của theo Quyết định số 179/QDD-UBND ngày 06/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đến năm 2035.

* Tài sản trên đất gồm có:

- 01 Phần bản mái phía trước, được ký hiệu là N1 trong sơ đồ. Có tổng diện tích là 13,6m².

Được xác định từ điểm B1 đến các điểm B2, B3, B12; chiều dài các cạnh lần lượt là 4,52m; 0,83m; 1,26m; 0,93m; 4,52m; 0,86m; 1,26m; 0,89m.

- 01 nhà xây cấp bốn mái lợp tôn, được ký hiệu N2 trong sơ đồ. Có tổng diện tích là 64,7m².

Được xác định từ điểm B3 đến các điểm B4, B11, B12; có các cạnh lần lượt là 13,92m; 0,46m; 4,52m; 14,37m; 4,52m.

- 01 Nhà bếp được ký hiệu N3 trong sơ đồ. Có tổng diện tích là 20,8m².

Được xác định từ điểm B4 đến các điểm B5, B10, B13; có các cạnh lần lượt là 4,58m; 4,53m; 4,65m; 4,52m.

- 01 Phần bản mái phía sau, được ký hiệu là N4 trong sơ đồ. Có diện tích là 21,3m².

Được xác định từ điểm B5 đến các điểm B6, B9, B10; có các cạnh lần lượt là 4,29m; 5,03m; 4,23m; 0,50m; 4,53m.

- 01 chuồng lợn ký hiệu là N5 trong sơ đồ. Có diện tích là 12,0m²

Được xác định từ điểm B6 đến các điểm B7, B8, B9; có các cạnh lần lượt là 2,47m; 5,02m; 2,33m; 5,03m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

(2) Thừa đất số 95b, 99b tờ bản đồ số 87 tại bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00091 cấp ngày 22/11/2011, do UBND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp cho người sử dụng đất là ông Vũ Ngọc Y và bà Nguyễn Thị P, đã đăng ký biến động cho bà Vũ Thị B ngày 19/5/2020. Có tổng diện tích đất sử dụng thực tế là: 173,3m². Trong đó: Đất ở nông thôn là 154,0 m²; Đất trồng cây lâu năm 19,3 m² (Diện tích đất sử dụng thực tế không thay đổi so với diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Toàn bộ thừa đất đang sử dụng được xác định từ điểm A1 đến các điểm A2, A4, A5 trong sơ đồ; có các tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp đường lô: được xác định từ điểm A1 đến A2; Chiều dài cạnh là 5,57m.

Phía Đông giáp đất ông Thảo: được xác định từ điểm A2 đến A4; Chiều dài cạnh là 3,51m và 28,00m.

Phía Nam giáp đất ông Thảo: được xác định từ điểm A4 đến A5; Chiều dài cạnh là 5,57m.

Phía Tây giáp đất ông Thảo và ông Cương: được xác định từ điểm A5 đến Ngân hàng A; Chiều dài cạnh lần lượt là 5,68m; 2,70m; 2,63m; 15,0m; 1,99m; 3,51m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- 01 phần bán mái phía trước, được ký hiệu là N1 trong sơ đồ. Có diện tích là 27,5m²

Được xác định từ điểm A1 đến các điểm B1, B2, B7; Chiều dài cạnh lần lượt là 5,01m; 5,50m; 5,01m; 1,99m; 3,51m.

- 01 Nhà xây cấp bốn mái lợp tôn, được ký hiệu là N2 trong sơ đồ. Có diện tích là 75,0 m².

Được xác định từ điểm B7 đến các điểm B2, B3, B6; Chiều dài cạnh lần lượt là 5,01m; 15,02m; 5,01m; 15,00m.

- Phần bán mái phía sau, được ký hiệu là N3 trong sơ đồ. Có diện tích là 13,2m²

Được xác định từ điểm B6 đến các điểm B3, B4, B5; Chiều dài cạnh lần lượt là 5,01m; 2,63m; 5,01m; 2,63m.

- Cây ăn quả trên đất có 01 cây nhãn và 01 cây mít đều đã cho quả từ 05 năm - 10 năm.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc ông Vũ Ngọc Y - bà Nguyễn Thị P phải bàn giao lại tài sản được

nêu tại phần (2) tiểu mục 1.2 mục 1 tại phần Quyết định của Bản án này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê B, bán phát mại tài sản thu hồi nợ cho nguyên đơn.

1.3 Trường hợp sau khi xử lý tài sản được nêu tại mục 1.2 của Quyết định trong bản án này mà vẫn không đủ để thanh toán cho khoản nợ và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo quy định của pháp luật thì bà Vũ Thị B tiếp tục có nghĩa vụ phải thanh toán hết số tiền còn lại; nếu còn thừa thì Ngân hàng Acó trách nhiệm trả lại bà Vũ Thị B.

Trường hợp bà Vũ Thị B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gồm nợ gốc, lãi phát sinh và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo quy định của pháp luật tại thời điểm thanh toán cho Ngân hàng Amà không phải xử lý tài sản thì các bên liên quan trong hợp đồng thế chấp phải làm thủ tục xóa thế chấp và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị B.

2. Về chi phí tố tụng, án phí và các chi phí khác:

Bà Vũ Thị B phải hoàn trả cho Ngân hàng A- Chi nhánh M tiền chi phí tố tụng là 6.970.000đ (*Sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án thì bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngân hàng Akhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.000.000đ theo B lại thu số 0000717 ngày 12/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Bà Vũ Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch; bà Vũ Thị B phải chịu các chi phí phát sinh cho việc thi hành án (nếu có).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án (ngày 05/01/2024).

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Hoàng Thị Nhung

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Nhung

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Khương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Nhung